



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên

Ngày 31/12/2025	4,740 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.5%	-	-

DT thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1.8%
YoY: +/-▲ 9.3%

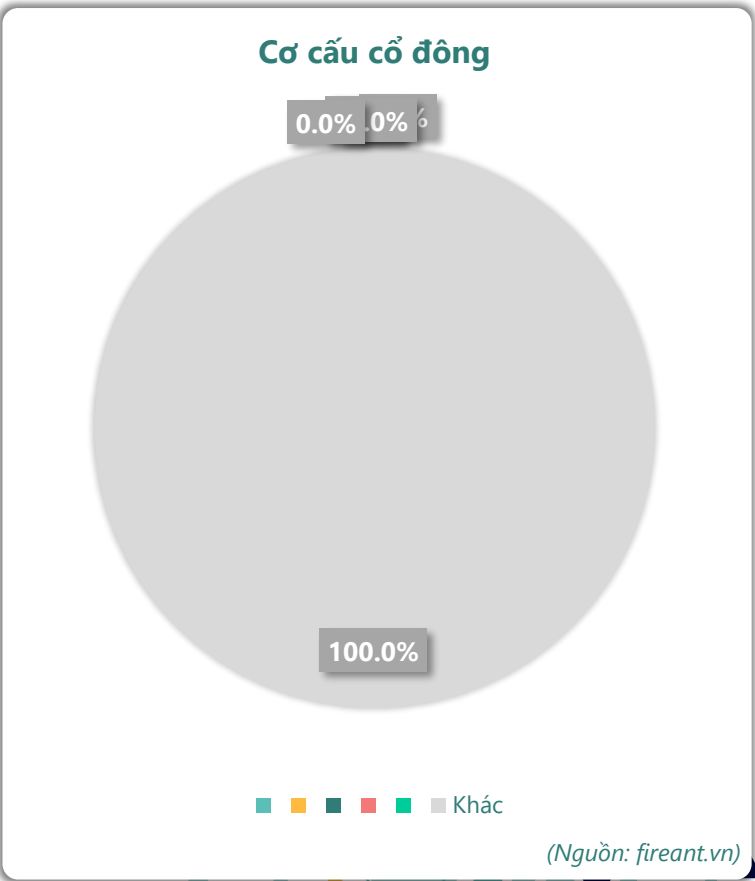
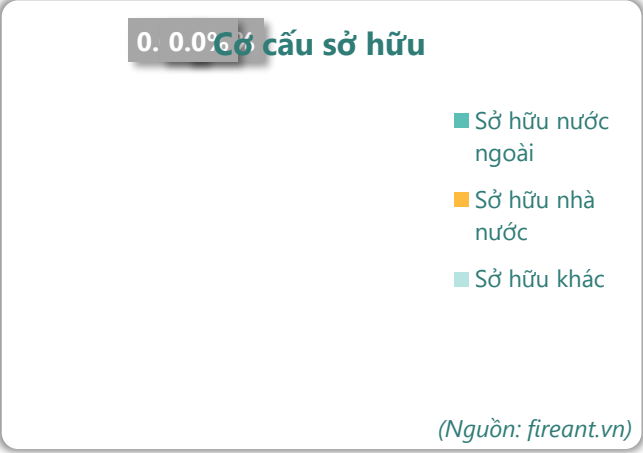
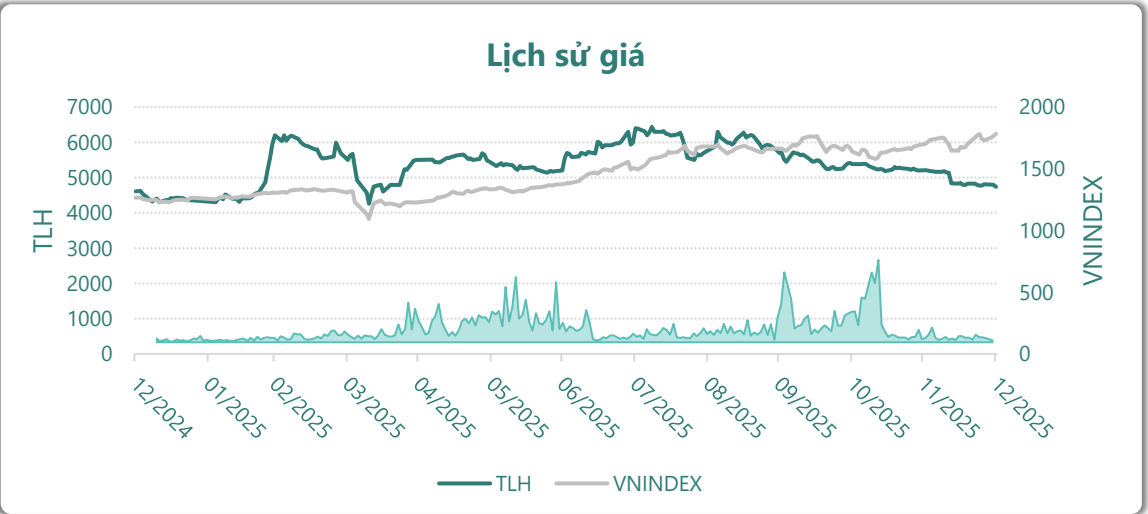
ROE 2025
0.4%
YoY: +/-▲ 38.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,260 - 6,440
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	93,860
Sở hữu nước ngoài	
Beta	
EPS	
P/E	

DT thuần 2025
5,320
tỷ VNĐ
YoY: ▼985 -15.6%

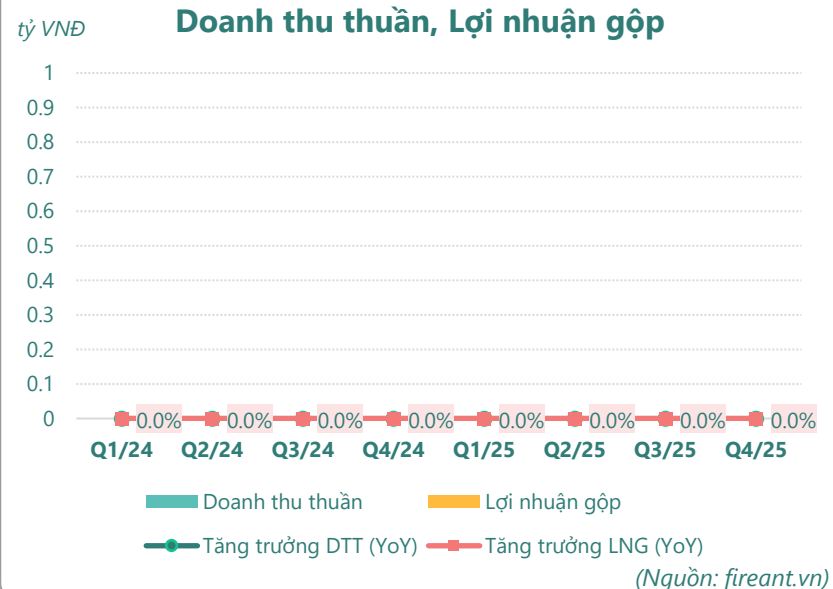
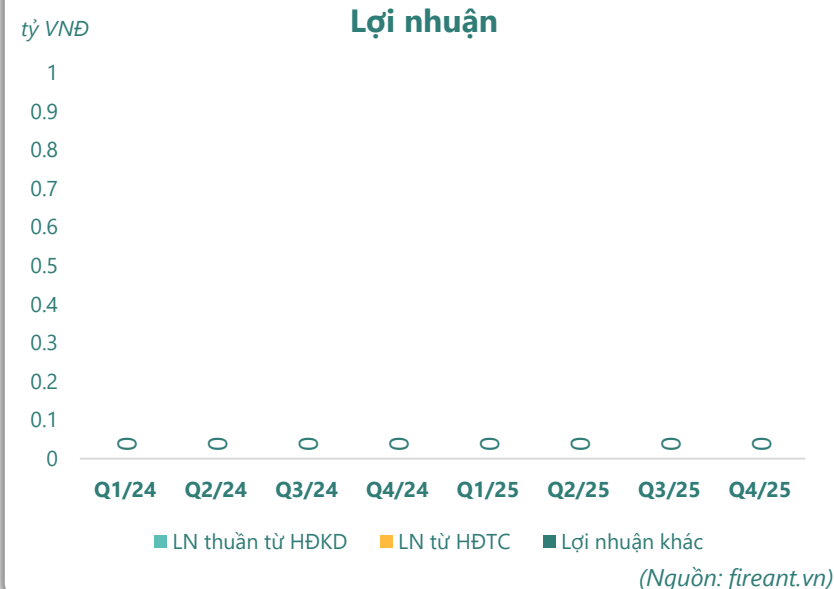
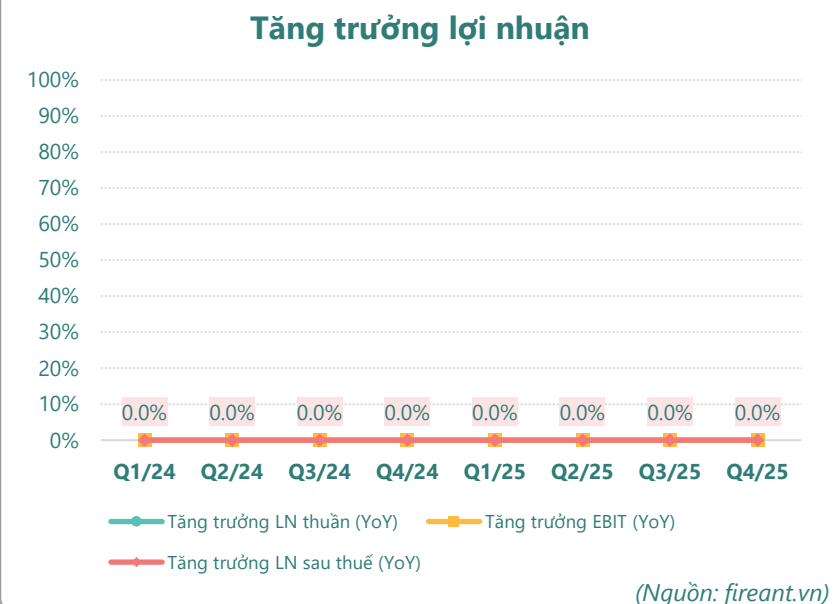
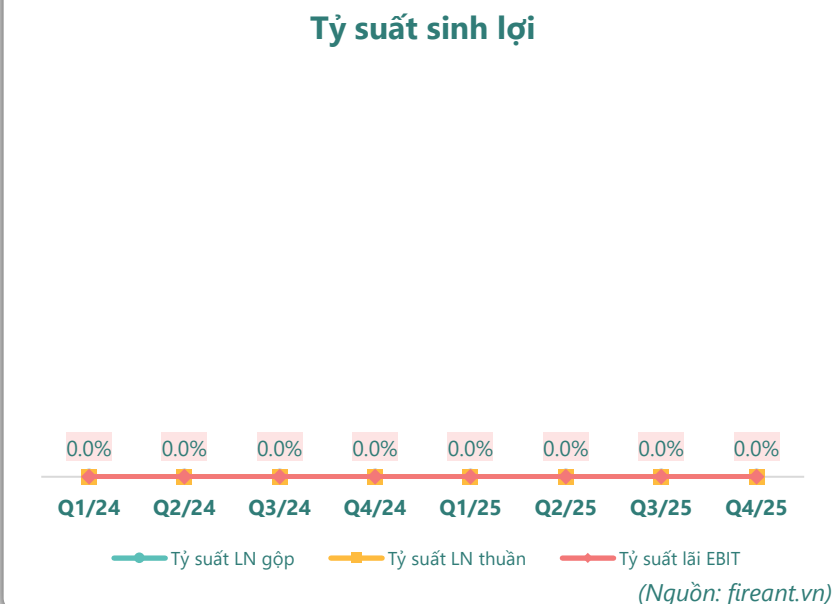
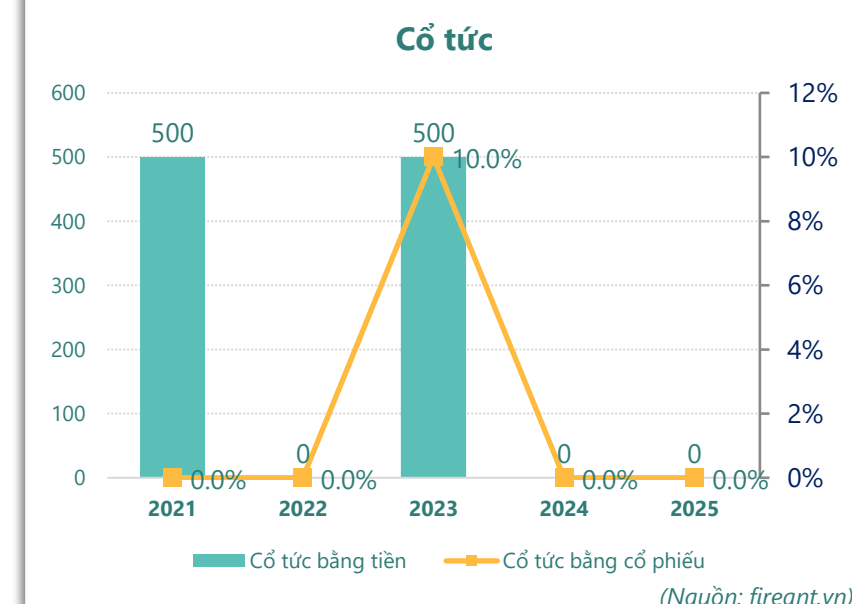
LN thuần 2025
4.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 596 101%

LN sau thuế 2025
5.70
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 604 101%





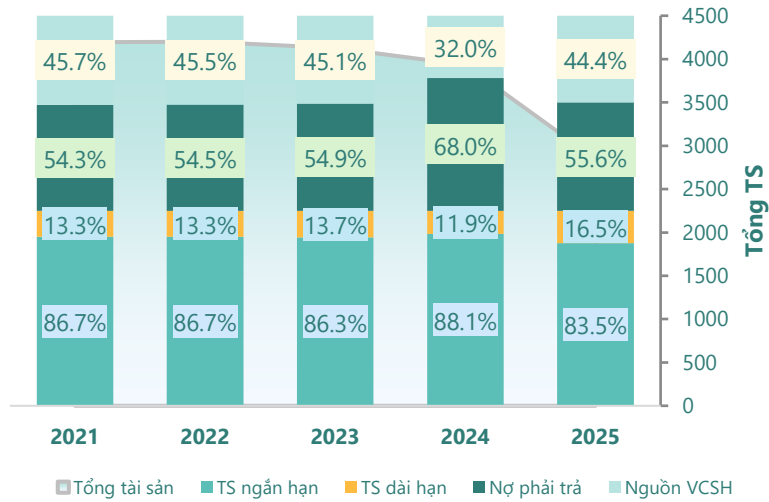
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

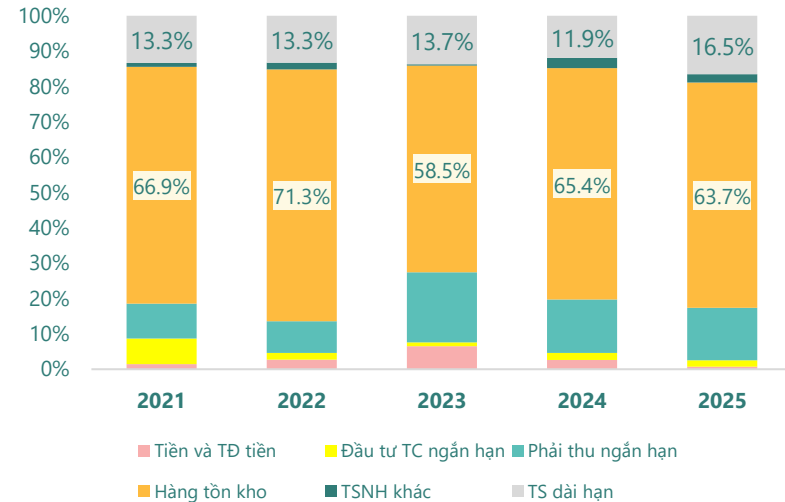
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

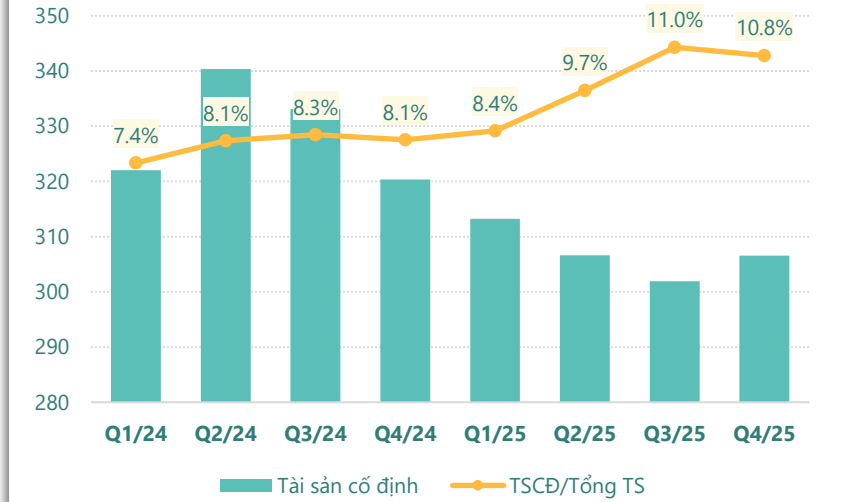
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

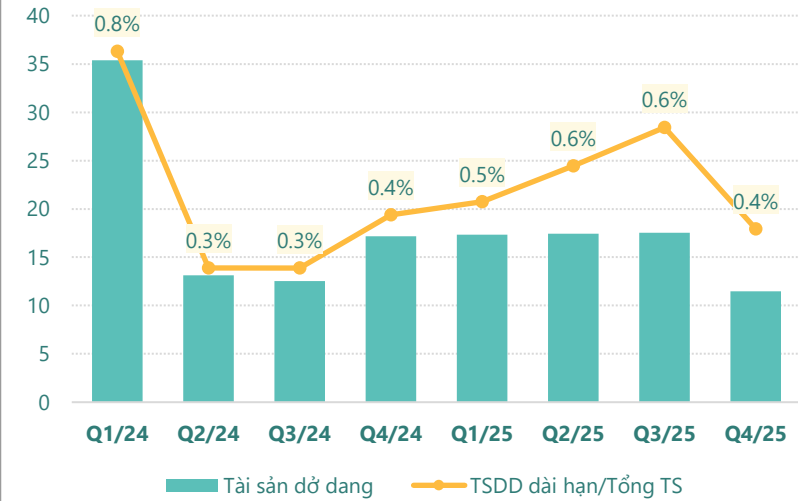
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

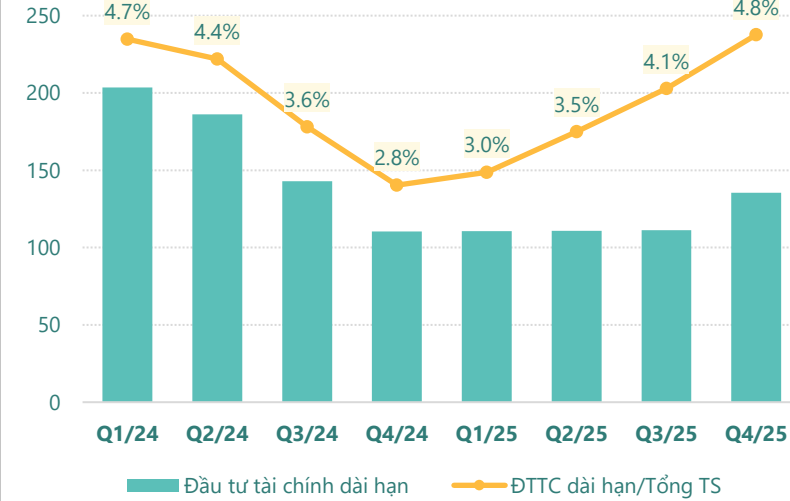
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

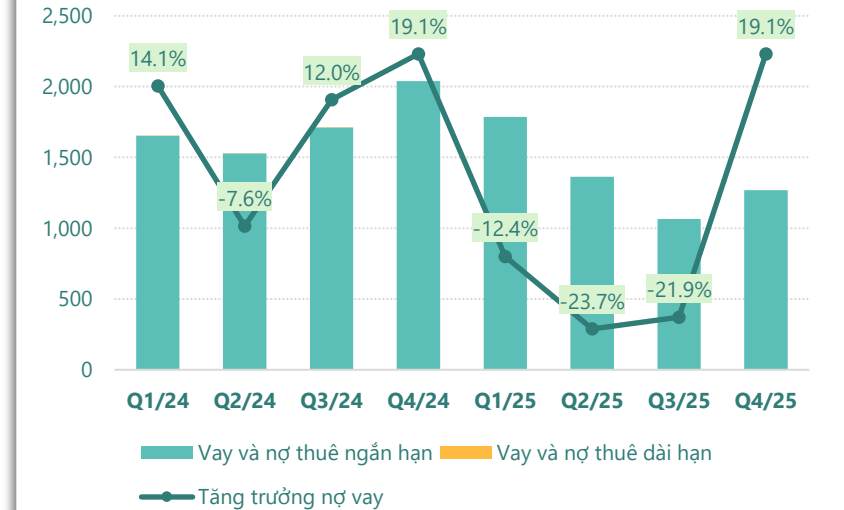
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

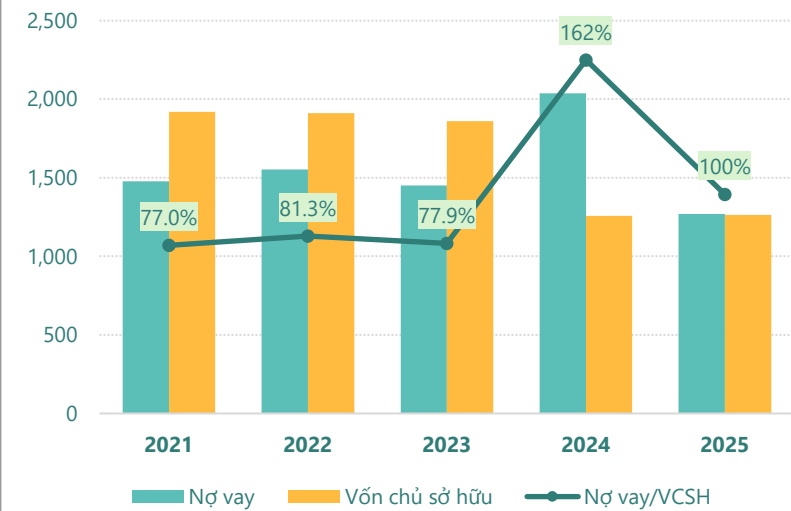


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

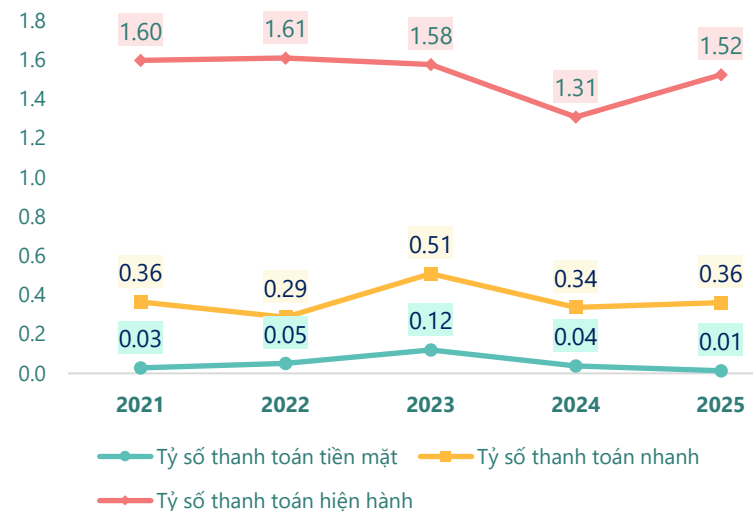
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



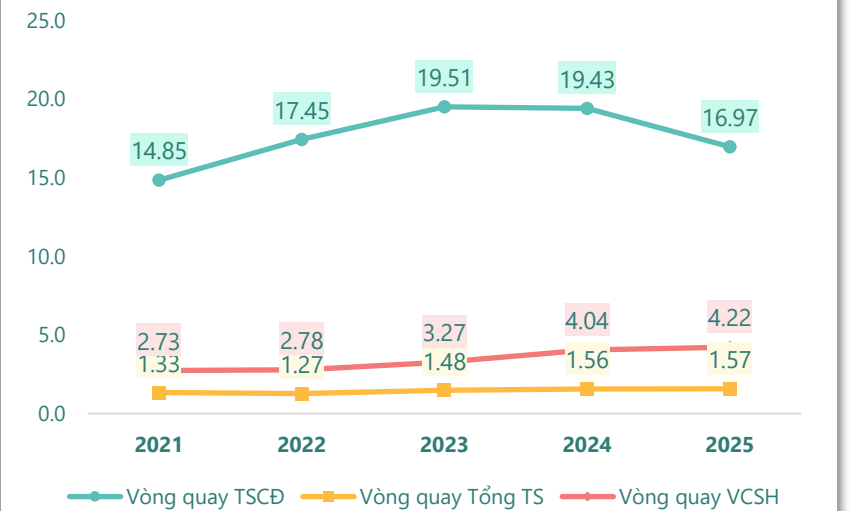
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



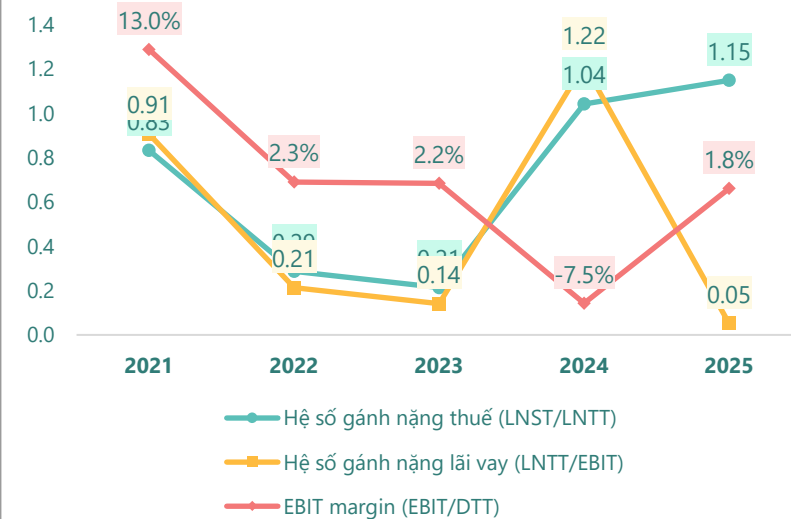
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



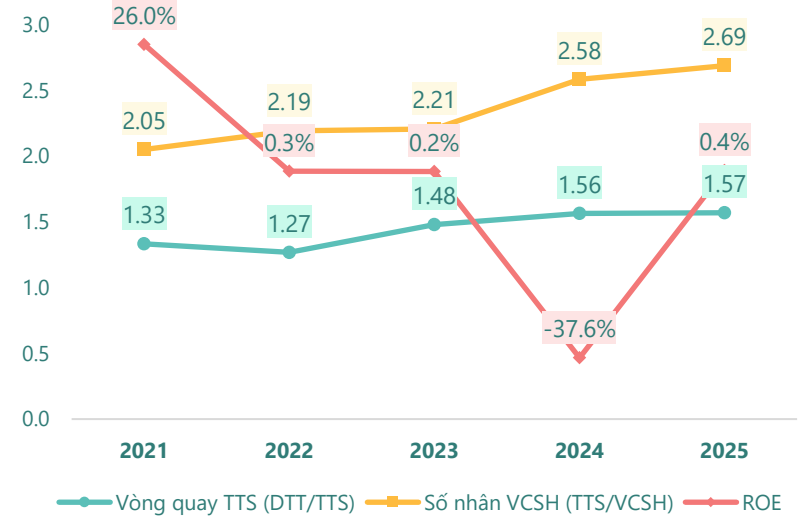
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



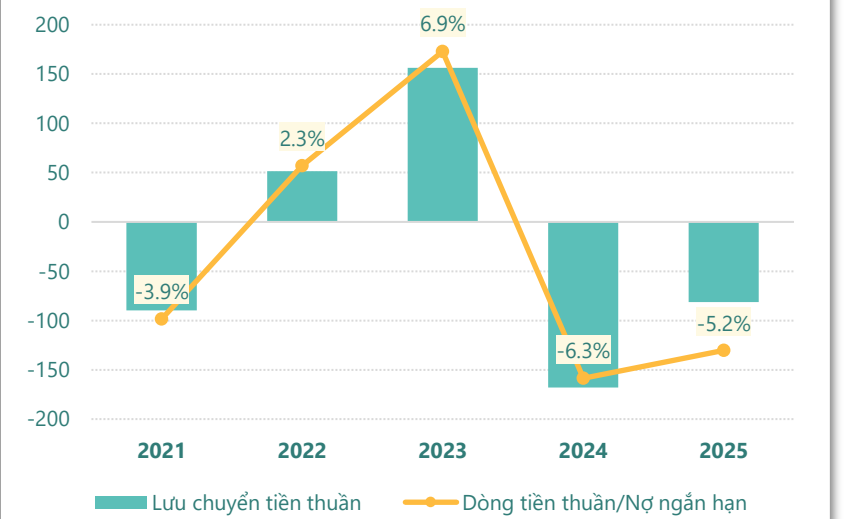
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				5,320	6,305	-15.6%
Giá vốn hàng bán				5,140	6,603	-22.2%
Lợi nhuận gộp				180	-298	160%
Doanh thu HĐTC				25.5	65.3	-61.0%
Chi phí TC				110	149	-25.9%
Chi phí lãi vay				91.2	104	-12.2%
LN trong công ty LKLD				0.63	-93.0	101%
Chi phí bán hàng				44.2	57.3	-22.9%
Chi phí QLDN				46.8	59.0	-20.6%
LN thuần từ HĐKD				4.82	-591	101%
Lợi nhuận khác				0.15	17.0	-99.1%
LN trước thuế				4.97	-574	101%
Lợi nhuận sau thuế				5.70	-598	101%
LNST của CĐ cty mẹ				5.11	-586	101%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-208	-349	220	447	240	-208
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.7	11.1	13.8	-10.4	-1.92	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	183	327	-252	-423	-298	204
Tiền đầu kỳ	115	113	102	83.5	97.1	0
Lưu chuyển tiền thuần	-1.66	-11.1	-18.6	13.6	-59.6	-4.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	113	102	83.5	97.1	37.5	20.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,848	3,932	-27.6%
Tài sản ngắn hạn	2,377	3,464	-31.4%
Tiền và tương đương tiền	20.9	102	-79.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.2	78.9	-33.9%
Phải thu ngắn hạn	422	594	-29.0%
Hàng tồn kho	1,815	2,573	-29.5%
Tài sản ngắn hạn khác	67.4	116	-41.8%
Tài sản dài hạn	471	468	0.7%
Phải thu dài hạn	14.5	14.4	1.0%
Tài sản cố định	307	320	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.5	17.2	-33.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	135	110	22.7%
Tài sản dài hạn khác	3.11	5.44	-42.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,584	2,674	-40.7%
Nợ ngắn hạn	1,559	2,648	-41.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,269	2,038	-37.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	236	389	-39.4%
Nợ dài hạn	25.0	25.5	-1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,264	1,258	0.4%
Vốn chủ sở hữu	1,264	1,258	0.4%
Vốn điều lệ	1,123	1,123	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

